

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo song ngành

- Ngành/chương trình đào tạo 1: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

- Mã ngành đào tạo: **7340122**

+ Tiếng Việt: **Thương mại điện tử**; Tiếng Anh: **Electronic commerce**

+ Cơ sở đào tạo cấp bằng: **Trường Đại học Công nghệ Thông tin**

+ Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

▪ Tiếng Việt: **Cử nhân Thương mại điện tử**

▪ Tiếng Anh: **Bachelor of Science in Electronic Commerce**

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4-6 năm (song hành cùng bằng 1)

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Thương mại điện tử nhằm giải quyết các bài toán về kinh doanh - quản lý hiện nay, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong CNTT vào thương mại điện tử, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đào tạo cụ thể (ký hiệu là G) của chương trình đào tạo:

- G1: Đào tạo nguồn lực chất lượng cao nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Thương mại điện tử như các phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống kinh doanh trực tuyến, kế toán, tiếp thị, thanh toán điện tử, nền kinh tế điện tử, công nghệ web và mạng xã hội, đặc điểm người sử dụng web, kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập giải pháp, phát triển khả năng tư duy, rèn luyện đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp.

- G2: Đào tạo đội ngũ chuyên gia có khả năng tổ chức và phát triển các ứng dụng tin học hỗ trợ các hoạt động giao dịch điện tử, thương mại, kinh doanh điện tử, chứng thực và an toàn trong giao dịch điện tử.

- G3: Đào tạo đội ngũ quản lý có khả năng hoạch định, xây dựng và quản lý các hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp cũng như tại các cơ quan nhà nước.

- G4: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Thương mại điện tử phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra (CĐR) sau:

Về nhận thức:

- LO1: Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và hiểu khả năng vận dụng những kiến thức đó vào ngành Thương mại điện tử và thực tiễn. (abet 3.1)

- LO2: Nắm vững kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu của ngành Thương mại điện tử để ứng dụng vào thực tiễn. (abet 3.2, gac2.b)

Về kỹ năng:

- LO3: Khảo sát tài liệu, lập luận, phân tích và đề xuất giải pháp sáng tạo cho vấn đề liên quan đến ngành Thương mại điện tử; nhận thức về sự cần thiết của học tập suốt đời. (abet 3.6, abet 3.7, gac2.a)

- LO4: Thiết kế, hiện thực hoá và đánh giá hệ thống, giải pháp của ngành Thương mại điện tử. (abet 3.2, abet 3.6, gac2.a)

- LO5: Giao tiếp, hợp tác, kết nối hiệu quả với các cá nhân và tập thể trong những ngữ cảnh chuyên ngành nhất định. (abet 3.5 , gac2.c)

- LO6: Giao tiếp trong công việc, đọc hiểu tài liệu và trình bày các giải pháp chuyên ngành bằng ngoại ngữ.

- LO7: Hiểu biết về lãnh đạo và quản lý. (gac 2.d)

Về thái độ:

- LO8: Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và các giá trị đạo đức. (abet 3.4)

Chuẩn đầu ra trên được cụ thể hóa như sau:

CĐR	Mô tả CĐR
1	Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và hiểu khả năng vận dụng những kiến thức đó vào ngành Thương mại điện tử và thực tiễn.
1.1	Kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên
1.2	Kiến thức nền tảng về khoa học xã hội
2	Nắm vững kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu của ngành Thương mại điện tử để ứng dụng vào thực tiễn.
2.3	Kiến thức mạng máy tính và truyền thông
2.4	Kiến thức lập trình
2.5	Kiến thức giải thuật
2.6	Kiến thức quản lý thông tin

2.7	Kiến thức ngành
3	Khảo sát tài liệu, lập luận, phân tích và đề ra giải pháp cho vấn đề liên quan đến ngành Thương mại điện tử; nhận thức về sự cần thiết của học tập suốt đời.
3.1	Kỹ năng khảo sát
3.2	Kỹ năng lập luận, phân tích
3.3	Kỹ năng xây dựng ý tưởng, giải pháp
3.4	Kỹ năng học tập suốt đời
4	Thiết kế, hiện thực hoá và đánh giá hệ thống, giải pháp của ngành Thương mại điện tử.
4.1	Kỹ năng thiết kế, hiện thực hệ thống
4.2	Kỹ năng đánh giá hệ thống
5	Giao tiếp, hợp tác hiệu quả với các cá nhân và tập thể trong những ngữ cảnh chuyên ngành nhất định.
6	Giao tiếp trong công việc, đọc hiểu tài liệu và trình bày một giải pháp chuyên ngành bằng ngoại ngữ.
6.1	Kỹ năng giao tiếp nói, viết tổng quát
6.2	Đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ
7	Hiểu biết về lãnh đạo và quản lý
8	Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và các giá trị đạo đức

Thang phân loại kiến thức, kỹ năng, thái độ tại UIT

Mã cấp độ (sử dụng trong CTĐT)	Cấp độ	Tên phân loại của cấp độ	Mô tả
Thang phân loại về “Kiến thức”			
NT1	1	Nhớ	Là khả năng ghi nhận và truy xuất lại các kiến thức, thông tin đã tiếp nhận; thể hiện qua việc có thể nhắc lại các kiến thức, thông tin đó.
NT2	2	Hiểu	Là khả năng nắm bắt ý nghĩa của những thông điệp nói, thông điệp viết hay thông điệp hình ảnh; thể hiện qua việc có thể diễn giải, cho ví dụ, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích

NT3	3	Áp dụng	Là khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống nhất định.
NT4	4	Phân tích	Là khả năng chia kiến thức, thông tin thành các phần nhỏ; sau đó xác định sự liên hệ giữa những phần nhỏ này với nhau và với cái toàn thể hoặc mục tiêu tổng thể.
NT5	5	Đánh giá	Là khả năng đưa ra những nhận định dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí; thể hiện thông qua việc kiểm tra và nhận xét.
NT6	6	Sáng tạo	Là khả năng kết nối những thứ có liên quan lại với nhau để tạo thành một sản phẩm hữu dụng; thể hiện qua việc lên kế hoạch và tạo ra một sản phẩm.
Thang phân loại về “Kỹ năng”			
KN1	1	Nhận thức hành động	Là khả năng sử dụng các tín hiệu cảm giác của bản thân để hướng dẫn các hoạt động vận động (hành động).
KN2	2	Sẵn sàng hành động	Là khả năng sẵn sàng về tinh thần, thể chất và tình cảm để thực hiện hành động.
KN3	3	Hành động theo hướng dẫn	Là giai đoạn đầu của quá trình học được những kỹ năng phức tạp; thể hiện qua khả năng giải quyết những bài toán, vấn đề đơn giản bằng việc bắt chước, thử và sai.
KN4	4	Hành động thành thạo	Hành động thành thạo là giai đoạn trung gian của quá trình học được những kỹ năng phức tạp; thể hiện qua việc những thao tác đã trở thành thói quen và hành động tự tin, trôi chảy.
KN5	5	Hành động khéo léo	Là khả năng thực hiện những thao tác phức tạp một cách thuần thục và hiệu quả, thể hiện qua việc thao tác phối hợp nhịp nhàng, nhanh chóng, chính xác với năng lượng tiêu tốn thấp nhất.
KN6	6	Hành động thích ứng	Là khả năng thay đổi phương thức hoạt động (phương pháp) để đáp ứng những yêu cầu mới.
KN7	7	Hành động sáng tạo	Là khả năng tạo ra những phương thức hoạt động mới (phương pháp mới) để phù hợp với một tình huống hoặc bài toán cụ thể.
Thang phân loại về “Thái độ”			
TĐ1	1	Tiếp nhận	Là thái độ tập trung chú ý, lắng nghe.
TĐ2	2	Hưởng ứng	Là thái độ tham gia chủ động vào quá trình học tập thể, hiện qua việc tham dự và tương tác trong

			các hoạt động học tập.
TĐ3	3	Tôn trọng	Là thái độ thừa nhận hoặc đánh giá cao một đối tượng, hiện tượng, hoặc hành vi.
TĐ4	4	Tổ chức	Là khả năng sắp xếp các giá trị để tạo thành hệ thống giá trị riêng của bản thân.
TĐ5	5	Tính cách	Là sự có được một hệ thống giá trị kiểm soát hành vi của bản thân, giúp cho cá nhân thể hiện cá tính và hành động mang bản sắc riêng nhưng không ảnh hưởng đến tập thể.

4. Thông tin tuyển sinh đào tạo song ngành

a. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đảm bảo tất cả yêu cầu sau:

- Tất cả sinh viên đang theo học trình độ đại học – hình thức giáo dục chính quy tại các cơ sở đào tạo trong hệ thống ĐHQG-HCM.
- Ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ hai phải khác ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ nhất.
- Không có sự khác biệt trong hình thức và trình độ đào tạo giữa hai chương trình đào tạo.
- Đã hoàn thành năm học đầu tiên của chương trình đào tạo thứ nhất và sinh viên thuộc diện xếp loại học lực trung bình khá trở lên (từ 6.0 trên thang điểm 10).

b. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ.

c. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo: 10 sinh viên học song ngành/năm

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế, quy định đào tạo hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ thông tin.

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Theo chủ trương đào tạo song ngành theo phương thức văn bằng 2, khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức bổ trợ, thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp được xem xét công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

TT	Các khối kiến thức	Chương trình đào tạo ngành thứ nhất		Chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)				Công nhận chuyển đổi (*)
				Cùng nhóm ngành		Khác nhóm ngành		
		STC	%	STC	%	STC	%	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	45	36.0					X

II	Khối kiến thức cơ sở ngành	35	28.0			35	44.8	X
III	Kiến thức chuyên ngành	33	26.4	33	100	33	42.3	
IV	Kiến thức bổ trợ							X
V	Thực tập, khóa luận / luận văn tốt nghiệp	12	9.6			10 (**)	12.9	
	Tổng cộng	125	100	33	100	78	100	

(*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

(**) Sinh viên nhóm 10 tín chỉ các môn chuyên đề tốt nghiệp thay thế KLTN, nội dung thực tập 2 tín chỉ được công nhận chuyển đổi giữa các chương trình.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Nội dung chương trình đào tạo ngành thứ nhất (CTĐT 1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận chuyển đổi (*)
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
I	Kiến thức giáo dục đại cương			45			
	Lý luận chính trị - Pháp luật			13			
1	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	2	0	X
2	SS007	Triết học Mác – Lênin	Bắt buộc	3	3	0	X
3	SS008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bắt buộc	2	2	0	X
4	SS009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	2	0	X
5	SS010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0	X
6	SS006	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2	2	0	X
	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên			18			
7	MA006	Giải tích	Bắt buộc	4	4	0	X
8	MA003	Đại số tuyến tính	Bắt buộc	3	3	0	X
9	MA004	Cấu trúc rời rạc	Bắt buộc	4	4	0	X
10	MA005	Xác suất thống kê	Bắt buộc	3	3	0	X
11	IT001	Nhập môn lập trình	Bắt buộc	4	3	1	X
	Ngoại ngữ			12			
12	ENG01	Anh văn 1	Bắt buộc	4	4	0	X
13	ENG02	Anh văn 2	Bắt buộc	4	4	0	X
14	ENG03	Anh văn 3	Bắt buộc	4	4	0	X

	Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng						
15	PE012	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	Tính riêng			X
16	ME001	Giáo dục quốc phòng	Bắt buộc	Tính riêng			X
	Môn học khác			2			
17	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	Bắt buộc	2	2	0	X
II	Kiến thức cơ sở ngành			35			
1	IT002	Lập trình hướng đối tượng	Bắt buộc	4	3	1	X
2	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bắt buộc	4	3	1	X
3	IT004	Cơ sở dữ liệu	Bắt buộc	4	3	1	X
4	IT005	Nhập môn mạng máy tính	Bắt buộc	4	3	1	X
5	EC005	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	Bắt buộc	1	1	0	X
6	EC001	Kinh tế học đại cương	Bắt buộc	4	4	0	X
7	EC101	Marketing căn bản	Bắt buộc	3	3	0	X
8	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	X
9	IS334	Thương mại điện tử	Bắt buộc	3	3	0	X
10	IS207	Phát triển ứng dụng web	Bắt buộc	4	3	1	X
III	Kiến thức chuyên ngành			33			
1	EC204	Marketing điện tử	Bắt buộc	3	2	1	
2	EC312	Thiết kế hệ thống TMĐT	Bắt buộc	3	2	1	
3	EC213	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	Bắt buộc	3	2	1	
4	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	Bắt buộc	3	3	0	
5	EC208	Quản trị dự án TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	
6	EC229	Pháp luật trong TMĐT	Bắt buộc	2	2	0	

7	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	
8	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	
9		Nhóm môn tự chọn tự do	Tự chọn	9			
IV	Kiến thức bổ trợ						
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp			12			
1	EC222	Thực tập doanh nghiệp	Bắt buộc	2	0	2	X
2	EC401	Khóa luận tốt nghiệp (KLTN)	Tự chọn	10	0	10	X
3		Nhóm môn chuyên đề tốt nghiệp thay thế KLTN	Tự chọn	10			
Tổng số (tín chỉ)				125			

(*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

7.2. Nội dung chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)

7.2.1. Nội dung CTĐT 2_1 (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành cùng nhóm ngành với CTĐT1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận chuyển đổi (*)
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
I	Kiến thức giáo dục đại cương						
II	Kiến thức cơ sở ngành						
III	Kiến thức chuyên ngành			33			
1	EC204	Marketing điện tử	Bắt buộc	3	2	1	
2	EC312	Thiết kế hệ thống TMĐT	Bắt buộc	3	2	1	
3	EC213	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	Bắt buộc	3	2	1	
4	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	Bắt buộc	3	3	0	
5	EC208	Quản trị dự án TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	
6	EC229	Pháp luật trong TMĐT	Bắt buộc	2	2	0	
7	EC335	An toàn và bảo mật	Bắt buộc	3	3	0	

		TMĐT					
8	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	
9		Nhóm môn tự chọn tự do	Tự chọn	9			
IV	Kiến thức bổ trợ						
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp						
	Tổng số (tín chỉ)			33			

7.2.2. Nội dung CTĐT 2_2 (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành không thuộc cùng nhóm ngành với CTĐT1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)	Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận chuyên đổi (*)
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	
I	Kiến thức giáo dục đại cương						
II	Kiến thức cơ sở ngành			35			
1	IT002	Lập trình hướng đối tượng	Bắt buộc	4	3	1	X
2	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bắt buộc	4	3	1	X
3	IT004	Cơ sở dữ liệu	Bắt buộc	4	3	1	X
4	IT005	Nhập môn mạng máy tính	Bắt buộc	4	3	1	X
5	EC005	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	Bắt buộc	1	1	0	X
6	EC001	Kinh tế học đại cương	Bắt buộc	4	4	0	X
7	EC101	Marketing căn bản	Bắt buộc	3	3	0	X
8	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	X
9	IS334	Thương mại điện tử	Bắt buộc	3	3	0	X
10	IS207	Phát triển ứng dụng web	Bắt buộc	4	3	1	X
III	Kiến thức chuyên ngành			33			
1	EC204	Marketing điện tử	Bắt buộc	3	2	1	
2	EC312	Thiết kế hệ thống	Bắt buộc	3	2	1	

		TMĐT					
3	EC213	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	Bắt buộc	3	2	1	
4	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	Bắt buộc	3	3	0	
5	EC208	Quản trị dự án TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	
6	EC229	Pháp luật trong TMĐT	Bắt buộc	2	2	0	
7	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	
8	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	
9		Nhóm môn tự chọn tự do	Tự chọn	9			
IV	Kiến thức bổ trợ						
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp						
3		Nhóm môn chuyên đề tốt nghiệp thay thế KLTN	Tự chọn	10			
Tổng số (tín chỉ)				78			

8. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Thuộc chương trình song ngành (**)	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	CTĐ T2_1	CTĐT 2_2
I (16 TC)	IT001	Nhập môn lập trình	Bắt buộc	4	3	1		
	MA006	Giải tích	Bắt buộc	4	4	0		
	MA003	Đại số tuyến tính	Bắt buộc	3	3	0		
	EC005	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	Bắt buộc	1	1	0		X
	ENG01	Anh Văn 1	Bắt buộc	4	4	0		
	PE012	Giáo dục thể chất	Bắt buộc					
	ME001	Giáo dục quốc phòng	Bắt buộc					

II (23 TC)	IT002	Lập trình hướng đối tượng	Bắt buộc	4	3	1		X
	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Bắt buộc	4	3	1		X
	EC001	Kinh tế học đại cương	Bắt buộc	4	4	0		X
	MA004	Cấu trúc rời rạc	Bắt buộc	4	4	0		
	MA005	Xác suất thống kê	Bắt buộc	3	3	0		
	ENG02	Anh Văn 2	Bắt buộc	4	4	0		
III (17 TC)	IT004	Cơ sở dữ liệu	Bắt buộc	4	3	1		X
	IT005	Nhập môn mạng máy tính	Bắt buộc	4	3	1		X
	IS334	Thương mại điện tử	Bắt buộc	3	3	0		X
	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	Bắt buộc	2	2	0		
	ENG03	Anh Văn 3	Bắt buộc	4	4	0		
IV (16 TC)	EC101	Marketing căn bản	Bắt buộc	3	3	0		X
	IS207	Phát triển ứng dụng web	Bắt buộc	4	3	1		X
	EC208	Quản trị dự án TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	X	X
	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1		X
	SS009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bắt buộc	2	2	0		
V (16 TC)	EC312	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	Bắt buộc	3	2	1	X	X
	EC204	Marketing điện tử	Bắt buộc	3	2	1	X	X
	EC213	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	Bắt buộc	3	2	1	X	X
	SS003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	2	0		
	SS006	Pháp luật đại cương	Bắt buộc	2	2	0		
		Môn học tự chọn tự do 1	Tự chọn	3	3	0	X	X
VI (15)	IS336	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Bắt buộc	4	3	1	X	X

TC)	EC335	An toàn và bảo mật TMĐT	Bắt buộc	3	3	0	X	X
	EC229	Pháp luật trong thương mại điện tử	Bắt buộc	2	2	0	X	X
	SS007	Triết học Mác - Lênin	Bắt buộc	3	3	0		
		Môn học tự chọn tự do 2	Tự chọn	3	3	0	X	X
VII (12 TC)	EC222	Thực tập doanh nghiệp	Bắt buộc	2	2	0		
	EC337	Hệ thống thanh toán trực tuyến	Bắt buộc	3	3	0	X	X
	SS008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bắt buộc	2	2	0		
	SS010	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bắt buộc	2	2	0		
		Môn học tự chọn tự do 3	Tự chọn	3	3	0	X	X
VIII (10 TC)	EC401	Khóa luận tốt nghiệp	Tự chọn	10	10	0		
		Các môn học thuộc chuyên đề tốt nghiệp	Tự chọn	10				10
	Tổng						33	78

(**): đánh dấu X đối với chương trình song ngành tương ứng

9. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH	Chuẩn đầu ra							
			LO 1	LO2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8
I	IT001	Nhập môn lập trình		NT3	KN 3	KN 3				TD 2
	MA006	Giải tích		KN 3	KN 3					
	MA003	Đại số tuyến tính		KN 3	KN 3					
	EC005	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử		NT2			KN 2			

	ENG01	Anh Văn 1	NT 3				KN 3	KN 4		TĐ 4
	PE012	Giáo dục thể chất			KN 2		KN 4			
	ME001	Giáo dục quốc phòng	NT 2							TĐ 5
II	IT002	Lập trình hướng đối tượng		NT3	KN 3			KN 3		
	IT003	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		NT3	KN 3	KN 3				TĐ 2
	EC001	Kinh tế học đại cương		NT2	KN 3					
	MA004	Cấu trúc rời rạc		KN 3	KN 3					
	MA005	Xác suất thống kê		KN 3	KN 3					
	ENG02	Anh Văn 2	NT 3				KN 3	KN 4		TĐ 4
III	IT004	Cơ sở dữ liệu		NT3	KN 3					
	IT005	Nhập môn mạng máy tính		NT3	KN 2			KN 2		
	IS334	Thương mại điện tử		NT3	KN 3					
	SS004	Kỹ năng nghề nghiệp	NT 2				KN 3		KN 2	TĐ 2
	ENG03	Anh Văn 3	NT 3				KN 3	KN 4		TĐ 4
IV	EC101	Marketing căn bản		NT3	KN 3					
	IS207	Phát triển ứng dụng web		NT3		KN 3		KN 4		
	EC208	Quản trị dự án TMĐT		NT3			KN 3			
	EC201	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp		NT3	KN 3	KN 3				
	SS009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	NT 2							
V	EC312	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử		NT3		KN 3				

1	EC331	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử		NT3	KN3				
2	EC402	Phát triển ứng dụng Thương mại di động		NT3		KN4			
3	EC403	Thương mại xã hội		NT3	KN3				
4	IS403	Phân tích dữ liệu kinh doanh		NT3	KN4		KN3		
5	IS355	Công nghệ Blockchain		NT3	KN3			KN2	

9.2 Các môn học tự chọn tự do khuyến nghị cho ngành TMĐT

STT	Mã MH	Tên MH	Chuẩn đầu ra							
			LO 1	LO 2	LO 3	LO 4	LO 5	LO 6	LO 7	LO 8
1	EC002	Quản trị doanh nghiệp		NT 3	KN 3					
2	EC214	Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng		NT 3	KN 3					
3	EC232	Nguyên lý kế toán		NT 3	KN 3					
4	EC333	Quản trị tài chính doanh nghiệp		NT 3	KN 3					
5	EC338	Quản trị bán hàng		NT 3	KN 3					
6	EC304	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm trong TMĐT		NT 3	KN 3					

10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh thought

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Pháp luật đại cương

Tên tiếng Anh: Introduction to law

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học nằm trong khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Môn học hướng đến việc trang bị những kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật cho người học. Qua đó, người học có những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật hướng đến việc hình thành kỹ năng sống và thái độ sống chuẩn mực theo hiến pháp và pháp luật. Nội dung bao gồm:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước.
- Nhà nước CHXHCNVN.
- Khái niệm, đặc trưng và nguồn của pháp luật.
- Quy phạm pháp luật.
- Quan hệ pháp luật.
- Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật VN.

Triết học Mác – Lênin

Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist philosophy

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Tên tiếng Anh: Marxist Leninist political economy

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tên tiếng Anh: Scientific socialism

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tên tiếng Anh: History of Vietnamese communist party

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giải tích

Tên tiếng Anh: Calculus

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức nhập môn giải tích. Nội dung bao gồm:

- Phép tính tích phân của hàm nhiều biến: tích phân kép, tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt.
- Phép tính vi phân của hàm nhiều biến, công thức Taylor, đạo hàm theo hướng.
- Ứng dụng của hàm nhiều biến trong bài toán cực trị, trong hình học.
- Phép tính tích phân của hàm một biến.
- Chuỗi số, chuỗi hàm.
- Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, hệ phương trình vi phân.

Đại số tuyến tính

Tên tiếng Anh: Linear algebra

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Một số nội dung chính của môn học là:

- Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính. Giải hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer, phương pháp Gauss.
- Không gian tuyến tính, sự phụ thuộc, độc lập tuyến tính.
- Chéo hóa ma trận và ý nghĩa của nó.
- Ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương; đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc.

Cấu trúc rời rạc

Tên tiếng Anh: Discrete structures

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Toán rời rạc : Cơ sở logic; Các phương pháp đếm; Quan hệ; Đại số Bool.
- Lý thuyết đồ thị: Các khái niệm cơ bản của lý thuyết đồ thị; Đồ thị và cây.
- Đồ thị và cây và một số khái niệm cơ bản của lý thuyết đồ thị.

Xác suất thống kê

Tên tiếng Anh: Probability and statistics

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất: các khái niệm cơ bản về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên nhiều chiều, một số phân phối xác suất. Phần thống kê: lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy.

Anh văn 1

Tên tiếng Anh: English 1

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Những từ vựng liên quan đến công việc, công sở, việc mua sắm, tiền tệ, việc làm nhóm, việc hướng dẫn, v.v.
- Các cấu trúc ngữ pháp thiết yếu ví dụ như là các kiểu câu so sánh hơn, so sánh nhất, thì chỉ thời gian, câu điều kiện, v.v. để diễn đạt một cách chính xác và trôi chảy hơn.
- Nghe hiểu được những cuộc hội thoại ngắn, đơn giản về các chủ đề thông thường trong công việc như việc đi công tác, địa điểm kinh doanh, mô hình làm việc, tiền tệ, v.v. Nghe hiểu được những thông tin cần thiết trong những đoạn thu âm dài về một số việc ở công sở.
- Đọc hiểu các bài báo, bài phỏng vấn, quảng cáo, v.v. Có thể đọc hiểu và rút ra kinh nghiệm qua những bài đọc đã kể trên.
- Trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề xoay quanh môi trường làm việc, tiền tệ, việc phát triển sản phẩm, v.v.
- Viết thư (thư hỏi thông tin, xác nhận cuộc hẹn, bài đánh giá trực tuyến, thư tặng giá sản phẩm, v.v.).

Anh văn 2

Tên tiếng Anh: English 2

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Sinh viên củng cố 2 kỹ năng Nói - Viết và được giới thiệu 1 số kỹ năng làm việc, kỹ năng giao tiếp trong một số tình huống cụ thể. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ có trình độ, kỹ năng tiếng Anh tương đương TOEIC-400.
- Được cung cấp vốn từ vựng và các điểm ngữ pháp cần thiết để có thể trao đổi, chia sẻ quan điểm về 1 số chủ đề được ứng dụng thường xuyên trong công việc và mang tính thời sự cao trong bối cảnh hiện nay như: kỹ năng mềm, ngành và các nhóm ngành kinh tế - năng lượng sạch, quản lý dự án, hoạt động kinh doanh quốc tế và bán hàng online, xu hướng đổi mới sản phẩm/dịch vụ, dịch vụ chăm sóc khách hàng, các phương thức giao tiếp tại nơi làm việc.
- Nắm rõ cấu trúc, thông tin cần thiết và những diễn đạt thông dụng trong 03 loại email được sử dụng phổ biến tại nơi làm việc: thư giới thiệu bản thân tại công ty mới, thư yêu cầu báo cáo công việc, thư cảm ơn.
- Củng cố kỹ năng giao tiếp theo tình huống / ngữ cảnh: làm quen với đồng nghiệp mới, ứng xử phù hợp trong cuộc họp, hướng dẫn và đưa ra yêu cầu công việc, giao tiếp hiệu quả với những người khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, học vấn..., báo cáo công việc cho sếp và đối tác.
- Rèn luyện một số kỹ năng cần thiết trong môi trường làm việc: thiết lập và mở rộng quan hệ tại ngày hội nghề nghiệp (job fair), xây dựng sự đồng thuận, trình bày về tính năng và lợi ích của sản phẩm / dịch vụ, lên ý tưởng và trình bày ý tưởng, kỹ năng quản lý thời gian.

Anh văn 3

Tên tiếng Anh: English 3

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Tiếp cận dạng đề thi Tiếng Anh Quốc Tế, hướng đến việc thi Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra theo quy định là 450 điểm TOEIC kỹ năng Nghe Đọc và 205 điểm TOEIC kỹ năng Nói Viết.
- Giới thiệu cho sinh viên cách làm bài test TOEIC bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết).

- Hướng dẫn sinh viên cách luyện tập bốn kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc và Viết) theo cách thức bài thi TOEIC.
- Cung cấp cơ hội thực hành nói tiếng Anh trong công sở, doanh nghiệp, đồng thời mở rộng thêm vốn từ ngữ trong các tình huống thực tế.
- Cung cấp cơ hội rèn luyện kỹ năng viết theo format TOEIC.

Kỹ năng nghề nghiệp

Tên tiếng Anh: Professional skills

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kỹ năng hỗ trợ năng lực chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực CNTT cần thiết cho sinh viên trường Đại học Công nghệ Thông tin. Trên cơ sở phương pháp luận tiếp cận hệ thống, nội dung môn học hướng sinh viên tới việc chủ động thực hiện quá trình học và tự học đại học và tốt nghiệp với phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu làm việc của xã hội. Các kiến thức cung cấp gồm:

- Kỹ năng đọc, nghe và ghi chép
- Kỹ năng đối thoại
- Kỹ năng tự học
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng quan sát, nhận diện và giải quyết vấn đề
- Kỹ năng thuyết trình và điều khiển cuộc họp
- Kỹ năng tổ chức công việc
- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp
- Kỹ năng soạn thảo văn bản, viết báo cáo.

Nhập môn lập trình

Tên tiếng Anh: Introduction to programming

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau:

- Các khái niệm cơ bản như thuật toán, lưu đồ, mã giả, ngôn ngữ lập trình, chương trình, trình dịch, chương trình thực thi, phần mềm máy tính;

- Các kiểu dữ liệu cơ sở, các phép toán và những cấu trúc điều khiển cơ bản của một ngôn ngữ lập trình (NNLT) cụ thể
- Viết chương trình cài đặt các thuật toán bằng NNLT C, dịch, chạy thử, bắt lỗi và sửa chữa những chương trình đã viết
- Ứng dụng các hàm (hay thủ tục, chương trình con) để tổ chức chương trình thành các đơn thể có thể dùng lại nhiều lần trong các đồ án phần mềm
- Vận dụng được một vài kỹ thuật cơ bản (xử lý lặp, tính toán truy hồi, duyệt mảng, dùng cờ hiệu...) để xây dựng thuật toán và cài đặt chương trình giải quyết một số vấn đề thông dụng và không quá phức tạp
- Sử dụng được tập tin dạng văn bản ASCII để lưu trữ dữ liệu của chương trình.

Lập trình hướng đối tượng

Tên tiếng Anh: Object-oriented programming

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Môn học này trình bày về lập trình hướng đối tượng với ngôn ngữ C++. Chương trình môn học gồm 2 phần cơ bản được chia thành 9 chương. Phần 1 bao gồm 4 chương đầu tiên giới thiệu về lập trình C++ cơ bản như: Kiểu dữ liệu, luồng điều khiển, hàm, tham số, chồng hàm, mảng, con trỏ và mảng động. Phần 2 gồm 5 chương tiếp theo trình bày về lập trình hướng đối tượng như: cấu trúc, lớp, constructor, destructor, overload, friend, reference, kế thừa, đa hàm, hàm ảo.

Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Tên tiếng Anh: Data structures and algorithms

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Môn học này trình bày về cấu trúc dữ liệu và giải thuật, thiết kế các thuật toán, là môn học cơ sở cần thiết cho sinh viên công nghệ thông tin nói chung và theo hướng lập trình nói riêng. Chương 1 trình bày về tổng quan về giải thuật và cấu trúc dữ liệu. Chương 2 giới thiệu sơ lược về các thuật toán tìm kiếm và sắp xếp. Chương 3 trình bày về cấu trúc dữ liệu động như con trỏ, danh sách liên kết. Chương 4 trình bày về cấu trúc cây, các loại cây nhị phân.

Cơ sở dữ liệu

Tên tiếng Anh: Databases

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Trình bày về sự cần thiết của cơ sở dữ liệu trong doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác. Cung cấp sự hiểu biết về nguyên lý của các hệ thống cơ sở dữ liệu (Khái niệm, Mô hình dữ liệu quan hệ, Các phép toán đại số quan hệ, Ngôn ngữ SQL, Ngôn ngữ tân từ, Ràng buộc toàn vẹn; Quản trị bên trong cơ sở dữ liệu, môi trường khách/chủ). Sinh viên có khả năng sử dụng các kỹ thuật, công cụ để thiết kế, thao tác một CSDL quan hệ trên một hệ quản trị CSDL cụ thể (MS SQL Server).

Nhập môn mạng máy tính

Tên tiếng Anh: Introduction to computer networks

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Môn Mạng máy tính cung cấp những khái niệm tổng quan về mạng máy tính, bao gồm mô hình tham chiếu OSI, TCP/IP và các chuẩn mạng; những khái niệm, nguyên lý cơ bản về tín hiệu, truyền tín hiệu. Sinh viên được tìm hiểu sâu về mô hình TCP/IP như các giao thức trong các tầng đặc biệt là tầng mạng và tầng vận chuyển. Ngoài ra sinh viên cũng được làm quen với các dịch vụ mạng cơ bản, kỹ thuật mạng không dây và bảo mật mạng.

Giới thiệu ngành Thương mại Điện tử

Tên tiếng Anh: Introduction to E-Commerce

Số tín chỉ: 1

Tóm tắt nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu rõ ngành Thương mại điện tử và cách tiếp cận với môi trường tác nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của người Cử nhân ngành Thương mại điện tử. Môn học giới thiệu về CNTT tổng quát, chuyên sâu ngành và những yêu cầu của cấp độ đào tạo Cử nhân ngành TMĐT. Trên cơ sở phương pháp luận tiếp cận hệ thống, nội dung môn học hướng sinh viên tới việc chủ động thực hiện quá trình tự đào tạo chính mình để trở thành một Cử nhân có phẩm chất đạo đức, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Kinh tế học đại cương

Tên tiếng Anh: Principles of economics

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

Marketing căn bản

Tên tiếng Anh: Basic marketing

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing đối với các doanh nghiệp. Cung cấp kiến thức về môi trường Marketing, hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường, nắm được chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing. Cách thức hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một kế hoạch Marketing.

Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp

Tên tiếng Anh: Business process modeling

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp kiến thức về các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp. Mô hình hóa các quy trình nghiệp vụ, tối ưu hóa quy trình và áp dụng vào các hệ thống ERP. Kiến thức về quản trị sự thay đổi nhằm áp dụng vào tái cơ cấu hệ thống doanh nghiệp.

Thương mại điện tử

Tên tiếng Anh: E-commerce

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Vai trò, chức năng của Thương mại điện tử trong hoạt động của Doanh nghiệp. Các chiến lược kinh doanh và ứng dụng cho Thương mại điện tử bao gồm: bán hàng trực tuyến, Tiếp thị trực tuyến, B2B, B2C, Kinh doanh mạng xã hội, Thương mại trên thiết bị di động, thanh toán điện tử, chính phủ điện tử. Kiến trúc hạ tầng Thương mại điện tử. An toàn và bảo mật thông tin cho các giao dịch trực tuyến.

Phát triển ứng dụng web

Tên tiếng Anh: Web application development

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp lập trình web động với ngôn ngữ lập trình PHP và trình quản trị cơ sở dữ liệu MySQL (ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở được sử dụng rộng rãi trên thế giới); kỹ thuật lập trình Ajax trong PHP; một số Framework hỗ trợ viết web bằng PHP. Thiết kế và triển khai các ứng dụng web trong thực tế bằng ngôn ngữ lập trình web PHP, vận hành và bảo trì website.

Marketing điện tử

Tên tiếng Anh: E-Marketing

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức Marketing hiện đại, bên cạnh việc sử dụng Internet để làm công cụ đưa sản phẩm ra thị trường. Kiến thức về lập kế hoạch E-Marketing (E-Marketing Mix) sử dụng chiến lược giá trực tuyến, các quảng cáo trực tuyến, khuyến mãi, và các kênh phân phối internet để chiếm thị phần, hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

Thiết kế hệ thống Thương mại điện tử

Tên tiếng Anh: E-Commerce System Design

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Cung cấp các kiến thức về việc phân tích thiết kế các mô hình kinh doanh điện tử. Kiến thức về hệ thống bán hàng online, thanh toán và an toàn mạng.

Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp

Tên tiếng Anh: Customer Relationship Management and Supplier Relationship Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Kiến thức về cách thức kết nối với khách hàng và nhà cung cấp bằng các phương tiện Internet (Email, website, forum, Chat, CRM, SRM..). Giải pháp và kỹ thuật cốt yếu để giữ gìn mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp. Đảm bảo sự xuyên suốt của dòng thông tin cũng như sản phẩm từ nhà cung cấp, tới nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng.

Hệ thống thanh toán trực tuyến

Tên tiếng Anh: E-payment system

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các mô hình thanh toán truyền thống và hiện đại. Các vấn đề về an toàn và bảo mật thông tin thanh toán. Tích hợp các phương thức thanh toán trực tuyến vào hệ thống quản trị bán hàng và tài chính doanh nghiệp.

Quản trị dự án TMĐT

Tên tiếng Anh: E-commerce project management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: trình bày các khía cạnh quan trọng để triển khai thành công một dự án TMĐT bao gồm hành vi, chiến lược, kỹ thuật, định lượng, truyền thông. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc quản lý và thực hiện dự án TMĐT đồng thời đề cập tới những yêu cầu kỹ năng của người quản lý dự án so với yêu cầu quản lý kỹ thuật.

Pháp luật trong Thương mại điện tử

Tên tiếng Anh: Law in E-Commerce

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức về pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế đối với lĩnh vực CNTT và Thương mại điện tử.

An toàn và bảo mật Thương mại điện tử

Tên tiếng Anh: Safety and security in Electronic Commerce

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học tập trung vào hai phần chính là an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu trong Thương mại điện tử. Trong phần bảo mật dữ liệu, học viên được cung cấp kiến thức về mã hóa thông tin và ứng dụng. Trong phần an toàn dữ liệu, học viên sẽ được cung cấp kiến thức về an toàn thông tin và cách dùng chúng để bảo vệ hệ điều hành, hệ thống mạng, hệ thống phần mềm.

Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

Tên tiếng Anh: Enterprise resource planning

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một hệ thống ERP. Các thành phần chính của ERP cũng được giới thiệu trong môn học này. Thông qua đó, sinh viên có thể nhận thấy được tầm quan trọng của ERP, điều kiện để triển khai về nền tảng công nghệ cũng như về qui mô và phạm vi hoạt động của các tổ chức/doanh nghiệp.

Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng

Tên tiếng Anh: Introduction to Supply Chain Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Cung cấp Kiến thức về quản trị Logistics, làm nền tảng cho quản trị chuỗi cung ứng. Các hệ thống ERP hỗ trợ cho công tác hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

Nguyên lý kế toán

Tên tiếng Anh: Principle of accounting

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kế toán: nguyên tắc kế toán, phân loại kế toán yêu cầu của kế toán, giới thiệu hệ thống các quy định và hướng dẫn thực hiện của Luật Kế toán và Thông tư của Bộ tài chính, các phương pháp của kế toán: tổng hợp và cân đối kế toán, tài khoản kế toán, Chứng từ kế toán, Sổ sách và hình thức kế toán. Đồng thời hướng dẫn sinh viên cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

Quản trị tài chính doanh nghiệp

Tên tiếng Anh: Finance management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, ra quyết định đầu tư trong điều kiện có rủi ro, cấu trúc vốn, phân chia cổ tức, phân tích báo cáo tài chính,

dự báo và lên kế hoạch tài chính, phân tích các dự án để ra quyết định đầu tư dài hạn đến phân tích các nguồn tài trợ sẵn có để quyết định phương án huy động vốn.

Quản trị bán hàng

Tên tiếng Anh: Sales Management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về người quản lý bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

Quản trị doanh nghiệp

Tên tiếng Anh: Business management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên các lý thuyết cơ sở về quản trị học, các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm quản trị tài chính, kinh doanh, nhân sự, sản xuất, nguồn cung ứng.

Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm trong TMDT

Tên tiếng Anh: Search engine optimization in E-Commerce

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt môn học: Môn học sẽ cung cấp các khái niệm, kiến thức, kỹ năng liên quan đến việc tối ưu thứ hạng của website trên các công cụ tìm kiếm. Sinh viên sẽ được học về cách hoạt động của bộ máy tìm kiếm; cách thức đánh giá xếp hạng của các công cụ tìm kiếm; quy trình, chi tiết các bước thực hiện cũng như đánh giá kết quả thực hiện tối ưu hóa công cụ tìm kiếm.

Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử

Tên tiếng Anh: Electronic business strategy management

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược bằng công cụ thẻ điểm cân bằng, bảng đồ chiến lược. Cách thức hoạch định, tổ chức, thực thi và kiểm tra việc vận hành doanh nghiệp theo chiến lược điện tử.

Phát triển ứng dụng thương mại di động

Tên tiếng Anh: Mobile commerce application development

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: giới thiệu cho sinh viên kiến thức căn bản về Thương mại trên nền tảng thiết bị di động, về hệ điều hành di động phổ biến (Android, IOS), ngôn ngữ lập trình cross platform (Flutter, React Native), quy trình và kỹ năng cần thiết để phát triển ứng dụng Thương mại điện tử trên nền tảng thiết bị di động.

Thương mại xã hội

Tên tiếng Anh: Social commerce

Số tín chỉ: 2

Tóm tắt nội dung: Thương Mại Xã Hội là môn học nhập môn về một lĩnh vực mới nổi đang phát triển nhanh chóng hiện nay. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cách sử dụng phương tiện truyền thông xã hội bao gồm các công cụ Web 2.0 và các trang mạng xã hội, để tiến hành Thương mại điện tử, Tiếp thị điện tử và các hoạt động Kinh doanh điện tử khác. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về Hành vi của người mua, Tiếp thị truyền thông xã hội, Doanh nghiệp xã hội (Doanh nghiệp 2.0), Quản trị quan hệ khách hàng trên mạng xã hội, Nguồn cung ứng thông tin cộng đồng, Các trò chơi và giải trí tích hợp, Chiến lược mạng xã hội, Nghiên cứu thị trường và phân tích, và một số chủ đề quan trọng khác.

Phân tích dữ liệu kinh doanh

Tên tiếng Anh: Data analysis in business

Số tín chỉ: 3

Tóm tắt nội dung: Môn học nhằm cung cấp các kỹ thuật phân tích dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, các dữ liệu trong kinh doanh. Sinh viên được trang bị kiến thức kiến thức nền tảng của các công thức toán học cần thiết, từ các tình huống gần gũi trong thực tế, dưới dạng các ứng dụng trong kinh doanh, thực hành trên các phần mềm EVIEWS, SPSS...

Công nghệ Blockchain

Tên tiếng Anh: Blockchain Technology

Số tín chỉ: 4

Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp kiến thức về Blockchain: các thuật toán, hạ tầng công nghệ, cơ chế đồng thuận, minh bạch thông tin, hợp đồng thông minh. Người học được trang bị kỹ năng về xây dựng hệ thống Blockchain và ứng dụng vào các lĩnh vực liên quan.

11. Công tác tài chính:

Học phí:

Học phí dự kiến đối với chương trình đào tạo song ngành cũng giống như học phí chương trình chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm học 2023-2024 chương trình đại trà là: **33.000.000** đồng/năm học.
- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

TT	Hệ đào tạo	Học phí dự kiến năm học 2023-2024 (đồng/năm học)	Học phí dự kiến năm học 2024-2025 (đồng/năm học)	Học phí dự kiến năm học 2025-2026 (đồng/năm học)	Học phí dự kiến năm học 2026-2027 (đồng/năm học)
1	Chính quy	33.000.000	37.000.000	42.000.000	47.000.000

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin chủ trì tổ chức thực hiện chương trình cùng với sự cố vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hội đồng khoa Khoa Hệ thống Thông tin.

Bộ môn Thương mại điện tử và Khoa Hệ thống thông tin có trách nhiệm tham mưu Ban Giám Hiệu, lập kế hoạch triển khai và đảm bảo chất lượng cho chương trình.

13. Cách thức tổ chức lớp học:

Việc tổ chức lớp cho sinh viên của đề án song ngành được thực hiện chung với sinh viên chính quy của Trường Đại học Công nghệ thông tin, theo Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ thông tin.

14. Cơ chế đảm bảo chất lượng

14.1 Cách thức quản lý, kiểm soát chương trình

- Thông tin về Chương trình được công bố rộng rãi và kịp thời, qua tất cả các kênh truyền thông cấp Trường, Khoa, Bộ môn.
- Chương trình sử dụng hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý thời khóa biểu, đăng ký học tập... tích hợp trong hệ thống quản lý cấp Trường, Khoa.
- Chương trình được đầu tư xây dựng hệ thống học liệu và phương pháp học tập hiện đại, cập nhật. Sinh viên được hỗ trợ tài nguyên tính toán, trang thiết bị phục vụ học tập nghiên cứu và các dịch vụ khác.

14.2 Đảm bảo chất lượng

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo quy trình, được rà soát, cập nhật định kỳ cho phù hợp với tình hình thực tế triển khai, góp phần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng Chuẩn đầu ra, Khoa thường xuyên cập nhật, điều chỉnh nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá cho phù hợp với các quy định hiện hành.
- Các hoạt động đảm bảo chất lượng được thực hiện thường xuyên theo các quy định, quy trình đảm bảo chất lượng hiện hành của Trường Đại học Công nghệ thông tin.

14.3 Kiểm định chương trình đào tạo

- Công tác đánh giá và kiểm định chất lượng cấp Trường được thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT và các tổ chức đánh giá/kiểm định của nước ngoài. Nhà trường xây dựng và triển khai Quy trình cải tiến chất lượng sau đánh giá/kiểm định nhằm rà soát, củng cố và phát triển hệ thống BĐCL bên trong sau đánh giá/kiểm định; thực hiện cải tiến và không ngừng nâng cao chất lượng để đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.
- Chương trình dự kiến được đánh giá sau 5 năm triển khai.